ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3727 /QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối Quốc lộ 63 - Vành đai 2 - Võ Văn Kiệt - ĐT.984 - U Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 01514/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối Quốc lộ 63 - Vành đai 2 - Võ Văn Kiệt - ĐT.984 - U Minh;

Căn cứ Quyết định số 3537/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối Quốc lộ 63 - Vành đai 2 - Võ Văn Kiệt - ĐT.984 - U Minh;

Căn cứ Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối Quốc lộ 63 - Vành đai 2 - Võ Văn Kiệt - ĐT.984 - U Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 490/TTr-SXD ngày 30 tháng 9 năm 2026, kèm theo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án tại Công văn số 8029/SXD-QLXD ngày 29 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối Quốc lộ 63 - Vành đai 2 - Võ Văn Kiệt - ĐT.984 - U Minh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối Quốc lộ 63 - Vành đai 2 - Võ Văn Kiệt - ĐT.984 - U Minh.

2. Nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại, cấp công trình chính:

+ Phần đường (bao gồm đường đầu cầu): Công trình giao thông; cấp II, III.

+ Phần cầu: Công trình giao thông; cấp IV.

+ Hệ thống thoát nước: Công trình hạ tầng kỹ thuật; cấp II, III.

+ Hệ thống chiếu sáng công cộng: Công trình hạ tầng kỹ thuật; cấp IV.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: Thời hạn sử dụng theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

3. Mã định danh: 9626410542800.

4. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối công trình; diện tích sử dụng đất của dự án:

- Địa điểm xây dựng dự án: Phường An Xuyên và các Xã Hồ Thị Kỷ, Khánh An, Khánh Lâm, Nguyễn Phích, tỉnh Cà Mau.

- Điểm đầu, điểm cuối:

+ Đoạn 1 (đường Vành đai 2): Điểm đầu tại vòng xoay giao với đường Nguyễn Trãi; điểm cuối tại vòng xoay giao với đường Ngô Quyền và đường Võ Văn Kiệt.

+ Đoạn 2 (đường Võ Văn Kiệt và đoạn tuyến nối đến đường ĐT.984): Điểm đầu tại vòng xoay giao với đường Vành đai 2 và đường Ngô Quyền; điểm cuối giao với đường ĐT.984 (Tắc Thủ - U Minh).

+ Đoạn 3 (đường ĐT.984): Điểm đầu tại nút giao với đường ĐT.985C (Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc); điểm cuối tại cầu kênh Lộ Xe, xã Nguyễn Phích.

+ Đoạn 4 (tuyến nhánh): Điểm đầu tại cầu kênh Lộ Xe; điểm cuối tại cầu Biện Nhị hiện hữu.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 99,936 ha.

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh Cà Mau.

7. Nhà thầu tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Cao Cường; mã số doanh nghiệp: 0310822391.

8. Mục tiêu dự án:

Dự án đầu tư xây dựng đường kết nối Quốc lộ 63 - Vành đai 2 - Võ Văn Kiệt - ĐT.984 - U Minh nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân và doanh nghiệp được nhanh chóng, thuận lợi và an toàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp kỹ thuật chủ yếu của công trình chính:

9.1. Quy mô đầu tư xây dựng:

Tổng chiều dài tuyến thiết kế: Khoảng 42,3km. Cụ thể như sau:

9.1.1. Đoạn 1 (đường Vành đai 2): Chiều dài khoảng 3,67km.

9.1.1.1. Phần đường:

- Cấp đường thiết kế: Đường chính khu vực (theo TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế).

- Vận tốc thiết kế: 60km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 100kN.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Chiều rộng mặt đường : 2x11,5m = 23,0m;

+ Chiều rộng vỉa hè : 2x7,0m = 14,0m;

+ Chiều rộng dải phân cách giữa : 3,0m;

+ Chiều rộng nền đường : 40,0m.

9.1.1.2. Phần cầu:

Xây dựng mới cầu Lưu Bồng.

- Tải trọng thiết kế: HL-93.

- Tĩnh không thông thuyền: Không thông thuyền.

- Mặt cắt ngang cầu:

+ Phần xe chạy : 2x11,5m = 23,0m;

+ Lề bộ hành : 2x6,75m = 13,5m;

+ Gờ lan can : 2x0,25m = 0,5m;

+ Dải phân cách giữa : 3,0m;

+ Chiều rộng toàn cầu : 40,0m.

9.1.1.3. Các hạng mục khác:

- Xây dựng các đường gom vuốt nối đường dân sinh hiện hữu.

- Cống ngang đường: Cải tạo, nối dài một số cống tròn ngang đường hiện hữu để phục vụ nhu cầu cấp, thoát nước trong khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống cống dọc hai bên tuyến, đường kính cống từ 800mm đến 1.800mm.

- Hệ thống thoát nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước thải dọc hai bên tuyến, đường kính cống từ 300mm đến 500mm.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng dọc tuyến.

- Trồng cây xanh trên vỉa hè, dải phân cách.

- Xây dựng hệ thống báo hiệu giao thông và công trình an toàn giao thông.

9.1.2. Đoạn 2 (đường Võ Văn Kiệt và đoạn tuyến nối đến đường ĐT.984): Chiều dài khoảng 12,83km.

9.1.2.1. Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ vòng xoay giao với đường Vành đai 2 và đường Ngô Quyền đến cầu Bạch Ngưu:

** Phần đường:*

- Cấp đường thiết kế: Đường chính khu vực (theo TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế).

- Vận tốc thiết kế: 60km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 100kN.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Chiều rộng mặt đường : 2x12,0m = 24,0m;

+ Chiều rộng vỉa hè : 2x7,0m = 14,0m;

+ Chiều rộng dải phân cách giữa : 2,0m;

+ Chiều rộng nền đường : 40,0m.

** Phần cầu:*

Xây dựng mới đơn nguyên cầu Giồng Kè và cầu Bạch Ngưu bên cạnh đơn nguyên cầu hiện hữu.

- Tải trọng thiết kế: HL-93.

- Tĩnh không thông thuyền:

+ Cầu Giồng Kè: Không thông thuyền.

+ Cầu Bạch Ngưu: Rộng 10,0m; cao 2,5m.

- Mặt cắt ngang cầu:

+ Phần xe chạy : 11,0m;

+ Gờ lan can : 2x0,5m = 1,0m;

+ Chiều rộng toàn cầu : 12,0m.

** Các hạng mục khác:*

- Xây dựng các đường gom vuốt nối đường dân sinh hiện hữu.

- Cống ngang đường: Cải tạo, nối dài một số cống tròn ngang đường hiện hữu để phục vụ nhu cầu cấp, thoát nước trong khu vực.

- Hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống cống dọc hai bên tuyến, đường kính cống từ 800mm đến 1.800mm.

- Hệ thống thoát nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước thải dọc hai bên tuyến, đường kính cống từ 300mm đến 500mm.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng dọc tuyến.

- Trồng cây xanh trên vỉa hè, dải phân cách.

- Xây dựng hệ thống báo hiệu giao thông và công trình an toàn giao thông.

9.1.2.2. Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ cầu Bạch Ngưu đến cầu Khánh An:

** Phần đường:*

- Cấp đường thiết kế: Đường cấp III đồng bằng (theo TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế).

- Vận tốc thiết kế: 80km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 100kN.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Chiều rộng mặt đường : 2x7,0m = 14,0m;

+ Chiều rộng dải phân cách giữa : 0,5m;

+ Chiều rộng dải an toàn : 2x0,5m = 1,0m;

+ Chiều rộng lề đường : 2x2,5m = 5,0m (trong đó, lề gia cố mỗi bên rộng 2,0m);

+ Chiều rộng nền đường : 20,5m.

** Phần cầu:*

Xây dựng mới đơn nguyên cầu Rạch Bần bên cạnh đơn nguyên cầu hiện hữu.

- Tải trọng thiết kế: HL-93.

- Tĩnh không thông thuyền: Không thông thuyền.

- Mặt cắt ngang cầu:

+ Phần xe chạy : 11,0m;

+ Gờ lan can : 2x0,5m = 1,0m;

+ Chiều rộng toàn cầu : 12,0m.

** Các hạng mục khác:*

- Xây dựng các đường gom vuốt nối đường dân sinh hiện hữu.

- Cống ngang đường: Cải tạo, nối dài một số cống tròn ngang đường hiện hữu để phục vụ nhu cầu cấp, thoát nước trong khu vực.

- Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng mương thoát nước hai bên đường tại các đoạn qua khu vực đông dân cư.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng dọc tuyến.

- Xây dựng hệ thống báo hiệu giao thông và công trình an toàn giao thông.

9.1.2.3. Đường Võ Văn Kiệt đoạn từ cầu Khánh An đến nút giao với đường N1 Khu công nghiệp Khánh An:

Giữ nguyên hướng tuyến, quy mô mặt cắt ngang đường hiện trạng (đường cấp III đồng bằng 02 làn xe, $B_{mặt}/B_{nền}$ = 11,0m/12,0m, vận tốc thiết kế 80 km/h); sửa chữa cục bộ mặt đường, cải tạo nút giao trên tuyến và xây dựng mương thoát nước dọc hai bên đường tại các đoạn qua khu vực đông dân cư.

9.1.2.4. Đoạn tuyến nối từ đường N1 Khu công nghiệp Khánh An đến đường ĐT.984:

** Phần đường:*

- Cấp đường thiết kế: Đường cấp III đồng bằng (theo TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế).

- Vận tốc thiết kế: 80km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 100kN.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Chiều rộng mặt đường : 7,0m;

+ Chiều rộng lề đường : 2x2,5m = 5,0m (trong đó, lề gia cố mỗi bên rộng 2,0m);

+ Chiều rộng nền đường : 12,0m.

- Xây dựng nút giao tại điểm đầu và điểm cuối đoạn tuyến.

** Các hạng mục khác:*

- Xây dựng các đường gom vuốt nối đường dân sinh hiện hữu.

- Cống ngang đường: Xây mới một số cống ngang đường để phục vụ nhu cầu cấp, thoát nước trong khu vực.

- Xây dựng hệ thống báo hiệu giao thông và công trình an toàn giao thông.

9.1.3. Đoạn 3 (đường ĐT.984): Chiều dài khoảng 23,901km.

9.1.3.1. Phần đường đoạn từ giao với đường ĐT.985C đến cầu Hai Chu (đường ngoài đô thị):

- Cấp đường thiết kế: Đường cấp IV đồng bằng (theo TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế).

- Vận tốc thiết kế: 60km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 100kN.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Chiều rộng mặt đường : 7,0m;

+ Chiều rộng lề đường: : 2x1,0m = 2,0m (trong đó, lề gia cố mỗi bên rộng 0,5m);

+ Chiều rộng nền đường : 9,0m.

- Xây dựng, cải tạo các nút giao trên đoạn tuyến.

9.1.3.2. Phần đường đoạn từ cầu Hai Chu đến cầu kênh Lộ Xe (đường đô thị):

- Cấp đường thiết kế: Đường chính khu vực (theo TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế).

- Vận tốc thiết kế: 60km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 100kN.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Chiều rộng mặt đường : 2x7,5m = 15,0m;

+ Chiều rộng vỉa hè : 2x5,5m = 11,0m;

+ Chiều rộng dải phân cách giữa : 2,0m;

+ Chiều rộng nền đường : 28,0m.

9.1.3.3. Phần cầu:

Xây dựng mới cầu Khai Hoang và đơn nguyên bên trái cầu Hai Chu.

- Tải trọng thiết kế: HL-93.

- Tĩnh không thông thuyền:

+ Cầu Khai Hoang: Rộng 6,0m; cao 2,0m.

+ Cầu Hai Chu: Rộng 7,0m; cao 2,5m.

- Mặt cắt ngang cầu:

+ Phần xe chạy : 8,0m;

+ Gờ lan can : 2x0,5m = 1,0m;

+ Chiều rộng toàn cầu : 9,0m.

9.1.3.4. Các hạng mục khác:

- Xây dựng kè bê tông cốt thép bảo vệ nền đường phía bên trái tuyến.

- Xây dựng các đường gom vuốt nối đường dân sinh hiện hữu.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Phía bên phải tuyến: Xây dựng hệ thống cống dọc, đường kính cống từ 1.000mm đến 1.200mm.

+ Phía bên trái tuyến: Bố trí ống thoát nước đường kính 200mm.

- Hệ thống thoát nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước thải dọc bên phải tuyến, đường kính cống từ 300mm đến 500mm.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng dọc tuyến.

- Trồng cây xanh trên vỉa hè, dải phân cách.

- Xây dựng hệ thống báo hiệu giao thông và công trình an toàn giao thông.

9.1.4. Đoạn 4 (tuyến nhánh): Chiều dài khoảng 1,90km.

9.1.4.1. Đường Trịnh Minh Hưởng (từ cầu Lộ Xe đến vòng xoay cầu Công Nông):

** Phần đường:*

- Cấp đường thiết kế: Đường chính khu vực (theo TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế).

- Vận tốc thiết kế: 60km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 100kN.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Chiều rộng mặt đường : 2x7,5m = 15,0m;

+ Chiều rộng vỉa hè : 2x5,5m = 11,0m;

+ Chiều rộng dải phân cách giữa : 2,0m;

+ Chiều rộng nền đường : 28,0m.

** Các hạng mục khác:*

- Xây dựng kè bê tông cốt thép bảo vệ nền đường phía bên trái tuyến.

- Hệ thống thoát nước mưa:

+ Phía bên phải tuyến: Xây dựng hệ thống cống dọc, đường kính cống từ 1.000mm đến 1.200mm.

+ Phía bên trái tuyến: Bố trí ống thoát nước đường kính 200mm.

- Hệ thống thoát nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước thải dọc bên phải tuyến, đường kính cống từ 300mm đến 500mm.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng dọc tuyến.

- Trồng cây xanh trên vỉa hè, dải phân cách.

- Xây dựng hệ thống báo hiệu giao thông và công trình an toàn giao thông.

9.1.4.2. Đường Huỳnh Quảng (từ vòng xoay cầu Công Nông đến đường Đỗ Thừa Tự):

** Phần đường:*

- Cấp đường thiết kế: Đường phân khu vực (theo TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế).

- Vận tốc thiết kế: 40km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 100kN.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Chiều rộng mặt đường : 2x7,0m = 14,0m;

+ Chiều rộng vỉa hè : 2x5,0m = 10,0m;

+ Chiều rộng dải phân cách giữa : 2,0m;

+ Chiều rộng nền đường : 26,0m.

** Các hạng mục khác:*

- Hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống cống dọc hai bên tuyến, đường kính cống từ 800mm đến 1.200mm.

- Hệ thống thoát nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước thải dọc hai bên tuyến, đường kính cống 300mm.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng dọc tuyến.

- Trồng cây xanh trên vỉa hè, dải phân cách.

- Xây dựng hệ thống báo hiệu giao thông và công trình an toàn giao thông.

9.1.4.3. Đường Đỗ Thừa Tự (từ ngã ba giàn hoa chữ đến cầu Biện Nhị):

** Phần đường:*

- Cấp đường thiết kế: Đường phân khu vực (theo TCVN 13592:2022 Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế).

- Vận tốc thiết kế: 40km/h.

- Tải trọng trục thiết kế: 100kN.

- Mặt cắt ngang đường:

+ Chiều rộng mặt đường : 2x7,0m = 14,0m;

+ Chiều rộng vỉa hè : 2x4,0m = 8,0m;

+ Chiều rộng dải phân cách giữa : 2,0m;

+ Chiều rộng nền đường : 24,0m.

** Các hạng mục khác:*

- Hệ thống thoát nước mưa: Tận dụng hệ thống thoát nước hiện hữu.

- Hệ thống thoát nước thải: Xây dựng hệ thống thoát nước thải dọc hai bên tuyến, đường kính cống 300mm.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng dọc tuyến.

- Trồng cây xanh trên vỉa hè, dải phân cách.

- Xây dựng hệ thống báo hiệu giao thông và công trình an toàn giao thông.

9.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu của công trình chính:

Theo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án tại Công văn số 8029/SXD-QLXD ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Sở Xây dựng.

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công).

- Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng: Theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 1.867.987.926.690 đồng.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: 239.659.368.172 đồng;

- Chi phí xây dựng: 1.390.811.540.741 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 13.215.676.118 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 63.577.698.348 đồng;
- Chi phí khác: 17.744.643.956 đồng;
- Chi phí dự phòng: 142.978.999.355 đồng.

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2029.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ và ngân sách tỉnh trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư:

Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của nội dung, thông tin, số liệu và sự phù hợp với quy định của pháp luật đối với hồ sơ dự án. Trong bước tiếp theo, yêu cầu lưu ý tổ chức khảo sát, thu thập đầy đủ số liệu, tính toán chi tiết để chuẩn xác giải pháp thiết kế theo quy định, bảo đảm các yêu cầu kinh tế - kỹ thuật và hiệu quả, mục tiêu của dự án; đồng thời, lưu ý tiếp thu và thực hiện các ý kiến của cơ quan thẩm định tại Công văn số 8029/SXD-QLXD ngày 29 tháng 9 năm 2026 của Sở Xây dựng.

2. Sở Xây dựng:

Chịu trách nhiệm toàn diện về trình tự, thủ tục, kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi và những kiến nghị liên quan đến dự án.

3. Sở Tài chính: Chịu trách nhiệm rà soát, cân đối và tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí vốn thực hiện dự án bảo đảm yêu cầu tiến độ, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường có dự án đi qua:

a) Phối hợp chặt chẽ với chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bàn giao mặt bằng bảo đảm yêu cầu tiến độ thực hiện dự án.

b) Tăng cường công tác quản lý đất đai tại khu vực dự án; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và phối hợp xử lý các hành vi làm thay đổi hiện trạng đất trái quy định, tránh để phát sinh khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, làm tăng chi phí đầu tư và ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả đầu tư của dự án.

5. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan: Phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Ban Quản lý dự án xây dựng công trình giao thông tỉnh và Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các xã, phường: An Xuyên, Hồ Thị Kỷ, Khánh An, Khánh Lâm, Nguyễn Phích;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Phòng: NN-XD (Đ753/10);
- Lưu: VT, TH742/10.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Lâm Văn Bi